

Số: 1610/QĐ-UBND

Quảng Phú, ngày 28 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Kiện toàn các Tổ hòa giải, công nhận hòa giải viên và
Tổ trưởng Tổ hòa giải trên địa bàn phường Quảng Phú**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUẢNG PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật hòa giải cơ sở ngày 20/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/6/2026 của Hội đồng nhân dân phường về việc sắp xếp khối phố trên địa bàn phường Quảng Phú;

Căn cứ Biên bản về kết quả bầu hoà giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải và Danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải của các Khối phố;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kien toàn 14 Tổ hòa giải, công nhận 103 hòa giải viên và 14 Tổ trưởng Tổ hòa giải trên địa bàn phường Quảng Phú theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các Tổ hòa giải, hòa giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải thực hiện trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Chủ tịch UBND phường Quảng Phú.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- UBTUMTTQVN phường (p/h);
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND phường;
- Các Khối phố;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngọc Bá



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1610 /QĐ-UBND ngày 28 /10/2026
của Chủ tịch UBND phường Quảng Phú)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1. Tổ hòa giải Khối phố An Hà Nam				
1	Nguyễn Thị Thanh Thu		Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Diễm	1992	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Văn A	1980	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Đình Bảy	1965	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Ngọc Đức	1990	Hòa giải viên	
6	Trần Thị Lại	1984	Hòa giải viên	
7	Trương Văn Thiện	1974	Hòa giải viên	
2. Tổ hòa giải Khối phố An Hà Trung				
1	Đoàn Thị Minh	1968	Tổ trưởng	
2	Ung Như Lộc	1970	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Đùa	1962	Hòa giải viên	
4	Ung Như Trị	1960	Hòa giải viên	
5	Lương Quang Cả	1964	Hòa giải viên	
6	Nguyễn Xuân Thành	1968	Hòa giải viên	
7	Ngô Thị Thanh	1986	Hòa giải viên	
3. Tổ hòa giải Khối phố An Phú				
1	Phạm Văn Việt	1990	Tổ trưởng	
2	Doãn Thanh Vương	1989	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Thị Phước	1967	Hòa giải viên	
4	Trương Thị Hường	1970	Hòa giải viên	
5	Dương Văn Dự	1964	Hòa giải viên	
6	Trương Quốc Việt	1963	Hòa giải viên	
7	Doãn Văn Bạ	1957	Hòa giải viên	
4. Tổ hòa giải Khối phố Phú Ân				
1	Nguyễn Ngọc Tinh	1976	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Ngọc Thủy	1975	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Văn Thủy	1990	Hòa giải viên	
4	Phan Đình Hải	1959	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Xuân Tân	1955	Hòa giải viên	
6	Nguyễn Thị Thanh Thu	1961	Hòa giải viên	
7	Trương Quang Sơn	1981	Hòa giải viên	
5. Tổ hòa giải Khối phố Phú Sơn				
1	Trương Công Anh Đô	1998	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Thanh Thuý	1986	Hòa giải viên	
3	Trương Thị Kiều Dung	1976	Hòa giải viên	
4	Đặng Cao Hải	1960	Hòa giải viên	
5	Trịnh Quốc Kỳ	1985	Hòa giải viên	
6	Trịnh Minh Hùng	1985	Hòa giải viên	
7	Nguyễn Thiên Vũ	1956	Hòa giải viên	
6. Tổ hòa giải Khối phố Sông Đầm				
1	Nguyễn Ngọc Tín	1984	Tổ trưởng	

2	Trương Hoàng Thạch	1989	Hòa giải viên	
3	Phạm Thị Ngọc Diễm	1989	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Thanh Phát	2001	Hòa giải viên	
5	Lê Ngọc Vinh	1957	Hòa giải viên	
6	Trương Đình Phùng	1956	Hòa giải viên	
7. Tổ hòa giải Khối phố Ngọc Mỹ				
1	Nguyễn Văn Nhân		Tổ trưởng	
2	Trần Văn Luân	1973	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Quốc Bảo	1986	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Quang Lợi	1974	Hòa giải viên	
5	Đỗ Xuân Quang	1974	Hòa giải viên	
6	Đỗ Ngọc Thanh Hoàng	2001	Hòa giải viên	
7	Trần Thị Ngọc Thiêm	1970	Hòa giải viên	
8. Tổ hòa giải Khối phố Phú Bình				
1	Trương Thị Diễm	1986	Tổ trưởng	
2	Phan Thị Thủy	1974	Hòa giải viên	
3	Trần Ngọc Hùng	1972	Hòa giải viên	
4	Trương Ngọc Viên	1980	Hòa giải viên	
5	Hồ Xuân Hiếu	2004	Hòa giải viên	
6	Trần Ngọc Tuấn	1968	Hòa giải viên	
7	Nguyễn Thanh Tâm	1977	Hòa giải viên	
9. Tổ hòa giải Khối phố Phú Thạnh				
1	Phạm Đôn	1984	Tổ trưởng	
2	Trần Minh Tuấn	1980	Hòa giải viên	
3	Trần Văn Sơn	1956	Hòa giải viên	
4	Thái Việt Ba	1965	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Tuấn Minh	1973	Hòa giải viên	
6	Đinh Văn Dư	1971	Hòa giải viên	
7	Trần Tiến Pháp	1969	Hòa giải viên	
8	Thái Thị Thành	1968	Hòa giải viên	
9	Nguyễn Minh Tuấn	2003	Hòa giải viên	
10	Trần Hoà	1964	Hòa giải viên	
11	Nguyễn Văn Thi	1992	Hòa giải viên	
10. Tổ hòa giải Khối phố Quý Ngọc				
1	Lương Văn Thịnh	1982	Tổ trưởng	
2	Võ Văn Lai	1968	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Văn Năm	1965	Hòa giải viên	
4	Ngô Thuý Vân	1989	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Văn Hiền	1974	Hòa giải viên	
6	Lê Quang Tuấn	1968	Hòa giải viên	
7	Nguyễn Văn Mười	1965	Hòa giải viên	
11. Tổ hòa giải Khối phố Tam Phú				
1	Nguyễn Văn Hiệp	1976	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thanh Thế	1984	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Tấn Đồng	1968	Hòa giải viên	
4	Bùi Thị Thanh Trà	1983	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Văn Công	1955	Hòa giải viên	
6	Nguyễn Trọng Bảo	2006	Hòa giải viên	

7	Hồ Quý Đoàn	1986	Hòa giải viên	
12. Tổ hòa giải Khối phố Hoà Hạ				
1	Trần Minh Rân	1964	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Cao Cường	1990	Hòa giải viên	
3	Tạ Quang Thành	1989	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Đình Nghĩa	1978	Hòa giải viên	
5	Huỳnh Thị Hải	1965	Hòa giải viên	
6	Tạ Quang Sự	1957	Hòa giải viên	
7	Nguyễn Gia Huy	1998	Hòa giải viên	
13. Tổ hòa giải Khối phố Tam Thanh				
1	Võ Thị Kim Thu	02/01/1968	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thành Trung	10/10/1981	Hòa giải viên	
3	Phạm Thị Thanh Thủy	26/08/1988	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Thành Hậu	17/05/2001	Hòa giải viên	
5	Đỗ Đình Đồng	01/01/1965	Hòa giải viên	
6	Phan Ngọc Đông	11/12/1985	Hòa giải viên	
7	Huỳnh Văn Mơ	08/09/1989	Hòa giải viên	
14. Tổ hòa giải Khối phố Tỉnh Thủy				
1	Đoàn Văn Định	1964	Tổ trưởng	
2	Huỳnh Văn Yên	1968	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Văn Ba	1968	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Thị Hiệp	1965	Hòa giải viên	
5	Phan Văn Rìn	1993	Hòa giải viên	
6	Nguyễn Cao Trí	1952	Hòa giải viên	
7	Đỗ Hồng Đức	1962	Hòa giải viên	
8	Phan Văn Mìn	1990	Hòa giải viên	
9	Trần Văn Tỉnh	2003	Hòa giải viên	